

Số: 658/2022/HNST

Quận 7, ngày 16 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 346/2022/HNST ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Trần T, sinh năm 1986; địa chỉ: đường A, Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Châu G, sinh năm 1989; địa chỉ: đường A, Tổ B, Khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển 01/2010, đăng ký ngày 24/08/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà G phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà G không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 204, quyển số 01/2015 cấp ngày 31/08/2015 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

cùng lời thừa nhận của ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G, ông bà có 01 (một) người con chung, họ và tên: Trần Gia A, sinh ngày 11/08/2015.

Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con cho mẹ là bà Nguyễn Thị Châu G trực tiếp nuôi dưỡng, cha là ông Trần T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ ngày 10 đến ngày 15 (dương lịch) hằng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển 01/2010, đăng ký ngày 24/08/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 204, quyển số 01/2015 cấp ngày 31/08/2015 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời thừa nhận của ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G, ông bà có 01 (một) người con chung, họ và tên: Trần Gia A, sinh ngày 11/08/2015.

Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con cho bà Nguyễn Thị Châu G trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (mười triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ ngày 10 đến ngày 15 (dương lịch) hằng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

**2.** Về lệ phí dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014472 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần T và bà Nguyễn Thị Châu G đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuần Phong**